

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình.

Ông Cao Ngọc Thạch.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 04/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Kim Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 36, ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 02, đường H, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà Q có mặt, ông Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Mai Thị Kim Q và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Mai Thị Kim Q trình bày: Vào năm 2015 bà và ông Tr có tìm hiểu và thương yêu nhau, đến năm 2016 thì tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã K, tỉnh Long An, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và hai người đã sống ly thân. Sự việc xảy ra đã được gia đình giải quyết nhưng không có kết quả, bà xác định không còn điều kiện, khả năng đề hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà

làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có người con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 06/5/2017, giới tính nữ. Hiện nay do bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi..

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Mai Thị Kim Q Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 35/TB-TLVA ngày 04/4/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 35/TB-TA ngày 04/4/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 39/TB-TA ngày 24/4/2018 đã tổng đạt hợp lệ cho ông Trương theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Tr không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Do đó, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thể tiến hành được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Mai Thị Kim Q làm đơn khởi kiện xin ly hôn, quyền nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 02, đường Huỳnh Châu Sỗ, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Tr theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Tr không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 ngày 04/6/2018 đã tổng đạt hợp lệ cho ông Tr theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Tr không có mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Tr là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà Mai Thị Kim Q xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Bùi Văn Tr, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung nên yêu cầu được ly hôn với ông Tr. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà Q với ông Tr đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ

chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Kim Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà Mai Thị Kim Q yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 06/5/2017, giới tính nữ. Xét thấy, yêu cầu của bà Q là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà Q.

[3] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà Mai Thị Kim Q yêu cầu ông Bùi Văn Tr cấp dưỡng nuôi người con chung tên Mai Kim Ngân, sinh ngày 06/5/2017 hàng tháng, mỗi tháng 650.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2018 dương lịch đến khi con tròn 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu của bà Q là hoàn toàn tự nguyện và nhu cầu chi phí thực tế để nuôi dưỡng đứa trẻ chưa tròn 3 tuổi. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà Q buộc ông Bùi Văn Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung hàng tháng, mỗi tháng 650.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2018 dương lịch đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Kim Q xác định không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Q và ông Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Kim Q đối với ông Bùi Văn Tr.

Về hôn nhân: Xử cho bà Mai Thị Kim Q ly hôn với ông Bùi Văn Tr.

Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 06/5/2017, giới tính nữ, cho bà Mai Thị Kim Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Bùi Văn Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 06/5/2017 hàng tháng, mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2018 dương lịch đến khi con tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Mai Thị Kim Q phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006717 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. Bà Mai Thị Kim Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Bùi Văn Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Q báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Bùi Văn Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND phường 1, TX K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

